

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiến Giang (Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiến Giang) được lập theo yêu cầu của pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

NGƯỜI VIẾT BÁO CÁO TÀI CHÍNH: BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Châu Văn Hiếu	Chủ tịch
Ông Đỗ Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Trần Văn Thón	Thành viên
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đinh Hoài Thanh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Lưu Minh Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Giám đốc
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Phó Giám Đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính tiếp theo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG DŨNG



Số: 15.261/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2015 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.630.171.840	19.083.586.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	467.859.058	468.913.203
1. Tiền	111		467.859.058	468.913.203
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	12.205.404.005	4.610.295.454
1. Phải thu khách hàng	131		12.343.758.673	4.763.698.646
2. Trả trước cho người bán	132		10.104.297	1.818.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135			29.716.310
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(148.458.965)	(184.937.902)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	14.677.559.641	13.868.204.172
1. Hàng tồn kho	141		14.804.496.821	13.961.902.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126.937.180)	(93.698.003)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		279.349.136	136.173.336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		78.384.136	78.573.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	200.965.000	57.600.000

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.082.380.625	10.038.248.328
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		8.285.338.050	8.947.592.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	6.665.149.190	7.312.403.570
+ Nguyên giá	222		10.886.932.897	11.187.545.680
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.221.783.707)	(3.875.142.110)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.600.000.000	1.615.000.000
+ Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(45.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		20.188.860	20.188.860
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	527.370.000	591.370.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		610.370.000	610.370.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(83.000.000)	(19.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		269.672.575	499.285.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	269.672.575	499.285.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.712.552.465	29.121.834.493

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.439.431.407	9.848.713.435
I. Nợ ngắn hạn	310		17.439.431.407	9.848.713.435
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	5.839.835.648	1.297.107.820
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	6.090.127.907	4.499.497.748
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	39.624.299	27.543.977
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	758.251.079	691.069.980
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	2.228.643.486	1.979.211.832
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	1.517.214.518	311.488.376
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	565.923.763	764.990.397
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	399.810.707	277.803.305
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.273.121.058	19.273.121.058
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	19.273.121.058	19.273.121.058
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.231.060.000	1.231.060.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.16.5)	5.179.061.058	5.179.061.058
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.712.552.465	29.121.834.493

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		427.054.864	427.054.864
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM NHỰT MINH

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		105.393.424.510	90.674.215.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.872.959.720	1.419.970.778
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	100.520.464.790	89.254.244.275
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	76.896.497.167	68.745.363.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.623.967.623	20.508.881.042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	60.105.035	70.145.272
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	434.584.318	433.174.092
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>370.584.318</i>	<i>561.174.092</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	15.896.749.180	13.218.066.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	4.037.634.070	3.675.283.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.315.105.090	3.252.502.112
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	367.707.728	175.247.805
12. Chi phí khác	32			430.716
13. Lợi nhuận khác	40		367.707.728	174.817.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.682.812.818	3.427.319.201
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	596.401.132	598.510.297
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.086.411.686	2.828.808.904
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.15.4)	2.507	2.298

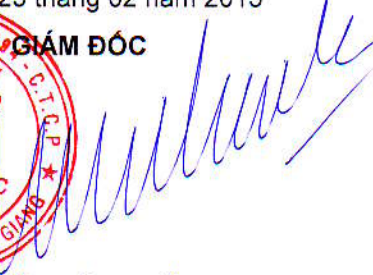
Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.682.812.818	3.427.319.201
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		662.254.380	708.314.800
Các khoản dự phòng	03		60.760.240	(126.844.068)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.917.543)	(72.714.556)
Chi phí lãi vay	06		370.584.318	561.174.092
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.716.494.213	4.497.249.469
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.250.889.330)	1.276.169.116
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(842.594.646)	2.321.813.605
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.486.954.861	(4.251.030.557)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		229.802.523	356.164.375
Tiền lãi vay đã trả	13		(361.325.797)	(561.174.092)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(738.572.056)	(1.263.334.362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		78.190.000	44.480.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(705.839.284)	(872.587.030)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.387.779.516)	1.547.750.524
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(109.606.687)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.850.000	3.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.067.543	70.145.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.917.543	(36.461.415)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.569.462.886	14.569.462.886
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.026.735.058)	(13.452.355.066)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.215.920.000)	(3.446.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.326.807.828	(2.329.872.180)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.054.145)	(818.583.071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		468.913.203	1.287.496.274
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		467.859.058	468.913.203

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM NHẬT MINH

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lô E16, Số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 123 (31/12/2013: 122 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện (1629);

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.4. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (hoặc giá bán).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, Công ty trích lập dự phòng giảm giá trị vào chi phí.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng diện tích 451,1 m² đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian sử dụng hữu ích của phần mềm là 8 năm.

4.7. Lương

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2014, quỹ lương năm 2014 được duyệt là 74,37% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không tính trong đơn giá tiền lương được duyệt.

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này đã được tất toán trong năm 2012.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lần lượt 5%, 10% và 3% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014. Trường hợp lợi nhuận thực hiện không đạt được theo kế hoạch thì lợi nhuận còn lại sau khi trích cổ tức cho cổ đông, thù lao Hội đồng quản trị và quỹ dự phòng tài chính sẽ phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ quy định.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ưu đãi thuế

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa)	5%
+ Hóa mỹ phẩm, thiết bị điện tử như máy tính casio	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	88.625.124	34.788.047
Tiền gửi ngân hàng	<u>379.233.934</u>	<u>434.125.156</u>
Tổng cộng	<u>467.859.058</u>	<u>468.913.203</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	12.343.758.673	4.763.698.646
Trả trước cho người bán	10.104.297	1.818.400
Các khoản phải thu khác	<u>-</u>	<u>29.716.310</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	12.353.862.970	4.795.233.356
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(148.458.965)</u>	<u>(184.937.902)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>12.205.404.005</u>	<u>4.610.295.454</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	874.111.728	1.219.374.821
Thành phẩm	241.109.000	279.738.000
Hàng hóa	<u>13.689.276.093</u>	<u>12.462.789.354</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.804.496.821	13.961.902.175
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(126.937.180)</u>	<u>(93.698.003)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>14.677.559.641</u>	<u>13.868.204.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	50.000.000	32.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>150.965.000</u>	<u>25.600.000</u>
Tổng cộng	<u>200.965.000</u>	<u>57.600.000</u>

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.066.493.801	633.798.113	1.163.002.366	324.251.400	11.187.545.680
Phân loại lại	-	(273.880.330)	(103.360.440)	377.240.770	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.664.500)	-	(248.948.283)	(300.612.783)
Số dư cuối năm	<u>9.066.493.801</u>	<u>308.253.283</u>	<u>1.059.641.926</u>	<u>452.543.887</u>	<u>10.886.932.897</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.424.192.381	569.607.995	589.186.479	292.155.255	3.875.142.110
Khấu hao trong năm	482.401.128	-	138.153.252	26.700.000	647.254.380
Phân loại lại	(35.620.354)	(209.690.212)	(93.670.365)	338.980.931	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.664.500)	-	(248.948.283)	(300.612.783)
Số dư cuối năm	<u>2.870.973.155</u>	<u>308.253.283</u>	<u>633.669.366</u>	<u>408.887.903</u>	<u>4.221.783.707</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.642.301.420	64.190.118	573.815.887	32.096.145	7.312.403.570
Tại ngày cuối năm	<u>6.195.520.646</u>	<u>-</u>	<u>425.972.560</u>	<u>43.655.984</u>	<u>6.665.149.190</u>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 2.772.377.034 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.008.665.883 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình****VND**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Số dư cuối năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
Số dư cuối năm	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.540.000.000	75.000.000	1.615.000.000
Tại ngày cuối năm	1.540.000.000	60.000.000	1.600.000.000

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.9.

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**VND**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	40.000	523.000.000	40.000	523.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	8.737	87.370.000	8.737	87.370.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn		610.370.000		610.370.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(83.000.000)		(19.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		527.370.000		591.370.000

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất từ 9% đến 13%/năm - Xem thêm mục 5.5, 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	6.090.127.907	4.499.497.748
Người mua trả tiền trước	<u>39.624.299</u>	<u>27.543.977</u>
Tổng cộng	<u>6.129.752.206</u>	<u>4.527.041.725</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	563.891.626	272.863.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.278.453	278.449.377
Thuế thu nhập cá nhân	<u>58.081.000</u>	<u>139.756.667</u>
Tổng cộng	<u>758.251.079</u>	<u>691.069.980</u>

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng chưa chi.

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chiết khấu bán hàng	1.441.919.220	307.601.599
Chi phí thưởng bán hàng	3.886.777	3.886.777
Chi phí phải trả khác	<u>71.408.521</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>1.517.214.518</u>	<u>311.488.376</u>

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức	246.200.000	246.200.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	299.920.810	22.274.660
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>19.802.953</u>	<u>496.515.737</u>
Tổng cộng	<u>565.923.763</u>	<u>764.990.397</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	277.803.305	723.044.712
Trích lập trong năm	447.747.686	128.182.323
Sử dụng trong năm	<u>(325.740.284)</u>	<u>(573.423.730)</u>
Số dư cuối năm	<u>399.810.707</u>	<u>277.803.305</u>

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.310.600.000	552.400.000	1.168.254.719	6.463.503.058	20.494.757.777
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.828.808.904	2.828.808.904
Trích lập quỹ	-	-	62.805.281	-	62.805.281
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.113.250.904)	(4.113.250.904)
Số dư đầu năm nay	<u>12.310.600.000</u>	<u>552.400.000</u>	<u>1.231.060.000</u>	<u>5.179.061.058</u>	<u>19.273.121.058</u>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.086.411.686	3.086.411.686
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.086.411.686)	(3.086.411.686)
Số dư cuối năm nay	<u>12.310.600.000</u>	<u>552.400.000</u>	<u>1.231.060.000</u>	<u>5.179.061.058</u>	<u>19.273.121.058</u>

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	6.526.160.000	53%	6.526.160.000	53%
Đối tượng khác	<u>3.322.440.000</u>	<u>27%</u>	<u>3.322.440.000</u>	<u>27%</u>
Tổng cộng	<u>12.310.600.000</u>	<u>100%</u>	<u>12.310.600.000</u>	<u>100%</u>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

5.16.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.086.411.686	2.828.808.904
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	<u>1.231.060</u>	<u>1.231.060</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>2.507</u>	<u>2.298</u>

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	5.179.061.058	6.463.503.058
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.086.411.686	2.828.808.904
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(62.805.281)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(447.747.686)	(128.182.323)
Chia cổ tức	(2.462.120.000)	(3.693.180.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>(176.544.000)</u>	<u>(229.083.300)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>5.179.061.058</u>	<u>5.179.061.058</u>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	102.865.710.232	90.275.999.136
Doanh thu nội bộ	2.527.714.278	398.215.917
Hàng bán bị trả lại	<u>(4.872.959.720)</u>	<u>(1.419.970.778)</u>
Doanh thu thuần	<u>100.520.464.790</u>	<u>89.254.244.275</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	76.896.497.167	68.745.363.233

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.067.543	14.145.272
Cổ tức được chia	48.000.000	56.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>3.037.492</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>60.105.035</u>	<u>70.145.272</u>

6.4. Chi phí tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	370.584.318	561.174.092
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	<u>64.000.000</u>	<u>(128.000.000)</u>
Tổng cộng	<u>434.584.318</u>	<u>433.174.092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.957.544.514	8.738.927.997
Chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng	2.383.595.211	994.104.159
Chi phí vật liệu, bao bì	295.320.600	232.523.344
Chi phí công cụ dụng cụ	430.224.912	458.731.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	336.231.108	370.215.470
Thuế, phí và lệ phí	347.925.793	382.636.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.071.443.151	1.944.142.979
Chi phí bằng tiền khác	74.463.891	96.784.129
Tổng cộng	15.896.749.180	13.218.066.295

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.595.337.001	2.142.693.722
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.402.124	205.164.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.454.712	324.280.770
Thuế, phí, lệ phí	33.473.272	40.066.733
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(36.478.937)	98.602.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.405.591	336.590.382
Chi phí bằng tiền khác	606.040.307	527.885.695
Tổng cộng	4.037.634.070	3.675.283.815

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.850.000	3.000.000
Hoàn nhập quỹ lương chủ tịch hội đồng quản trị và ban giám đốc	254.092.367	-
Các khoản thu nhập khác	110.765.361	172.247.805
Tổng cộng	367.707.728	175.247.805

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.682.812.818	3.427.319.201
Cổ tức không chịu thuế	<u>(48.000.000)</u>	<u>(56.000.000)</u>
Tổng thu nhập tính thuế	3.634.812.818	3.371.319.201
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	1.693.814.063	1.628.796.685
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	1.940.998.755	1.742.522.516
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	<u>22%</u>	<u>25%</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>596.401.132</u>	<u>598.510.297</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.383.873.595	1.344.088.343
Chi phí nhân công	13.269.486.015	11.647.404.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.254.380	708.314.800
Chi phí dự phòng	(36.478.937)	98.602.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.893.371	2.357.703.297
Chi phí khác bằng tiền	<u>4.362.224.507</u>	<u>3.403.722.836</u>
Tổng cộng	<u>22.151.252.931</u>	<u>19.559.835.442</u>

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	266.400.000	247.200.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc	<u>679.682.395</u>	<u>798.695.630</u>
Tổng cộng	<u>946.082.395</u>	<u>1.045.895.630</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.859.058	468.913.203
Phải thu khách hàng	12.195.299.708	4.578.760.744
Tài sản tài chính khác	150.965.000	25.600.000
Đầu tư dài hạn khác	527.370.000	591.370.000
Tổng cộng	<u>13.341.493.766</u>	<u>5.664.643.947</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.839.835.648	1.297.107.820
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.130.860	4.996.013.485
Chi phí phải trả	1.513.327.741	307.601.599
Tổng cộng	<u>13.709.294.249</u>	<u>6.600.722.904</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Quản lý rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.130.860	-	6.356.130.860
Các khoản vay	5.839.835.648	-	5.839.835.648
Chi phí phải trả	1.513.327.741	-	1.513.327.741
01/01/2014			
Phải trả người bán	4.996.013.485	-	4.996.013.485
Các khoản vay	1.297.107.820	-	1.297.107.820
Chi phí phải trả	307.601.599	-	307.601.599

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải thu khách hàng	12.195.299.708	-	12.195.299.708
Tài sản tài chính khác	150.965.000	-	150.965.000
Đầu tư dài hạn khác	-	527.370.000	527.370.000
01/01/2014			
Phải thu khách hàng	4.578.760.744	-	4.578.760.744
Tài sản tài chính khác	25.600.000	-	25.600.000
Đầu tư dài hạn khác	-	591.370.000	591.370.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



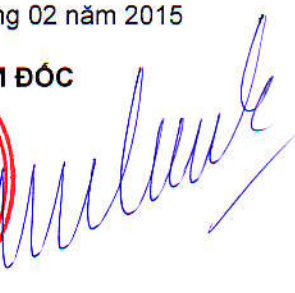
NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM NHẬT MINH

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG